

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – CAO BẰNG

Bản án số: 30/2025/HSST
Ngày 18 tháng 9 năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Vụ và bà Mạc Thị Thuý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa Bích Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST- HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HS ngày 05/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí D - Sinh ngày 24/12/1969 tại Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

HKTT: Tổ 11 phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng (nay là Tổ dân phố Hợp Giang 11, phường Thục Phán), tỉnh Cao Bằng.

Tạm trú: tổ E, phường N, thành phố C (nay là Tổ dân phố A, phường N), tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1932 và con bà Lê Thị H1, sinh năm 1937; vợ: Đàm Minh T (đã ly hôn); con: có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thanh H2 - Sinh ngày 23/01/1971 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở: Tổ G, T, phường T, thành phố C (nay là Tổ G, phường T), tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; con ông: Trần T1 (đã chết) và con bà Phạm Thị K, sinh năm 1938; chồng: Nguyễn Minh A, sinh năm 1971. con có 02, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09 tháng 5 năm 2011 bị Phòng cảnh sát tội phạm về môi trường Công an tỉnh C xử phạt 1.000.000 đồng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y. (đã thi hành ngày 09/5/2011).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 14/4/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Thuế cơ sở 1, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật ông Lã Tiến D1 – Chức vụ: Trưởng thuế cơ sở 1 tỉnh Cao Bằng. Người được uỷ quyền bà Nông Thị T2 (Theo giấy uỷ quyền số 01/UQ-TCS1 ngày 18 tháng 9 năm 2025). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C nhận được Công văn số 1145/CHS-CCTCBA ngày 25/11/2024 của Chi cục Thuế thành phố C về việc chuyển tin báo vụ việc về thuế sang cơ quan Công an, cụ thể: Hợp tác xã N và H3 kinh doanh Trần Thanh H2 có dấu hiệu phạm tội về lĩnh vực thuế và chuyển các tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C để xem xét xử lý theo quy định.

Ngày 24/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C quyết định trưng cầu giám định về Thuế với nội dung: Hộ kinh doanh Trần Thanh H2 không kê khai hoạt động thu mua bò, không kê khai kinh doanh bán bò cho Hợp tác xã N với số tiền 7.336.000.000 đồng làm giảm số thuế phải nộp là bao nhiêu.

Tại Kết luận số 01/KLGĐ – CCTKV06 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thuế khu vực V, xác định: Trần Thanh H2 thu mua giống bò cái (không có hồ sơ con giống) với nhiều cá nhân tại tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Tuyên Quang để bán lại cho Hợp tác xã N. Tuy nhiên, Trần Thanh H2 không kê khai hoạt động thu mua, không xuất hoá đơn bán hàng cho Hợp tác xã N và không kê khai doanh thu bán giống bò cái cho Hợp tác xã N với số tiền là 7.336.000.000 đồng thì làm giảm số thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân phải nộp là 110.040.000 đồng, trong đó: Số thuế giá trị gia tăng phải nộp giảm 73.360.000 đồng, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp giảm 36.680.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được: Hợp tác xã N được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 22/3/2024, mã số thuế 480.093.6053, ngành nghề kinh doanh: chăn nuôi trâu bò, sản xuất giống trâu bò và một số ngành nghề khác, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Chí D. Đầu năm 2024, D đặt vấn đề với Trần Thanh H2 là chủ hộ kinh doanh thực phẩm tươi sống, có mã số thuế 817.934.8883 - 001, mua bò giống với H2 để bán lại cho các Tổ cộng đồng theo dự án hỗ trợ của Nhà nước tại thị trấn P, xã Y và xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, H2 nhận lời. Ngày 13/4/2024 D cùng H2 ký kết hợp đồng thoả thuận với nội dung: H2 làm cộng tác viên thu mua

bò cái sinh sản cho D với số lượng 399 con, với số tiền là 7.336.000.000 đồng, sau đó D sẽ bán lại cho các Tổ cộng đồng. Để không phải xuất hoá đơn, không phải kê khai nộp thuế đối với số tiền mà H2 bán 339 con bò cái cho D, D đã đưa cho H2 04 tờ bảng kê thu mua hàng hoá dịch vụ mua vào không có hoá đơn (theo mẫu số 01/TNDN của Bộ T4) để khi thu mua bò của các hộ dân thì H2 sẽ kê vào và đưa cho lại D, sau đó D chuyển một phần tiền tạm ứng để H2 đi mua bò. Vào tháng 4, tháng 5 năm 2024, H2 đến các tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Tuyên Q mua 399 con bò của 06 hộ dân và vận chuyển về xóm N, xã H, tỉnh Cao Bằng để nuôi dưỡng và theo dõi bệnh tật. Sau khi hợp đồng mua bán bò giữa Hợp tác xã N và các Tổ cộng đồng của các xóm ở thị trấn P; xã Y; xã T, huyện B được ký kết, vào tháng 5 và tháng 6 năm 2024 D cùng H2 vận chuyển 399 con bò đến các Tổ cộng đồng bàn giao trực tiếp cho các hộ dân thuộc đối tượng của dự án. Sau khi nghiệm thu 399 con bò giống xong, Hợp tác xã N được bên mua thanh toán với số tiền là 7.505.190.000 đồng sau đó D trả cho H2 số tiền 7.336.000.000 đồng. Ngày 11/11/2024 Hợp tác xã N đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với hợp đồng bán 399 con bò cho các Tổ cộng đồng với số tiền là 354.367.774 đồng. Sau khi H2 bán 399 con bò cho D, H2 và D thống nhất không kê khai nộp thuế với số tiền là 110.040.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSCB – P1 ngày 06/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 về tội “Trốn thuế” theo điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 đã khai nhận do không hiểu hết được các quy định của pháp luật về thuế nên dẫn đến thực hiện không đúng quy định pháp luật về thuế.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Cao Bằng được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo như Cáo trạng số 55/CT-VKSCB-P1 ngày 06/8/2025 đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 200; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Áp dụng điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh H2 từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Chí D, Trần Thanh H2 nộp lại số tiền 110.040.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Thanh H2 đã nộp đủ số tiền trên.

Tại phần tranh luận:

Bị cáo D có ý kiến tranh luận là bị cáo không có ý định trốn thuế, bị cáo có làm hợp đồng cộng tác viên với bị cáo H2, bị cáo có tìm hiểu thì được biết cộng tác viên không phải kê khai thuế.

Viện kiểm sát đáp: Việc bị cáo có làm hợp đồng cộng tác viên tuy nhiên trong hợp đồng đều thể hiện việc bị cáo H2 đi mua bò cái sinh sản và bán lại cho bị cáo D và D sẽ thanh toán cho từng lô hàng. Và trên thực tế bị cáo H2 đi mua bò cái sinh sản về thì bị cáo D đã thanh toán hết số tiền mua bò cho H2.

Bị cáo D: Do bị cáo không hiểu biết nên lấy hợp đồng tại quán phô tô về sửa lại một số nội dung nên dẫn đến vi phạm. Đối với 110.040.000 đồng mà bị cáo H2 đã nộp có một nửa số tiền của bị cáo đóng góp vào cùng để khắc phục hậu quả.

Viện kiểm sát: Xét thấy cần làm rõ tình tiết bị cáo D có đóng góp vào số tiền 110.040.000 đồng của bị cáo H2 đã nộp hay không, đề nghị Hội đồng xét xử trở lại phần xét hỏi.

Sau khi trở lại phần hỏi, bị cáo H2 có xác nhận bị cáo D có đóng một nửa số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng thay đổi, bổ sung luận tội đối với bị cáo Nguyễn Chí D:

Áp dụng điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Chí D, Trần Thanh H2 nộp lại số tiền 110.040.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Thanh H2 và Nguyễn Chí D đã nộp đủ số tiền trên.

Khi được nói lời sau cùng:

Bị cáo Trần Thanh H2 do bị cáo không biết rõ các quy định của pháp luật nên đã vi phạm. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Chí D bị cáo có đọc các quy định của pháp luật về thuế nhưng trình độ hạn chế nên không am hiểu hết các quy định của pháp luật về thuế. Do đó bị cáo đã thực hiện không đúng, bị cáo không có ý định trốn thuế. Bị cáo hiện đang điều trị bệnh, gia đình còn có bố mẹ già, con còn nhỏ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc bố mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trần Thanh H2 và Nguyễn Chí D được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã và cùng đăng ký thuế tại Chi cục thuế thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tháng 4 năm 2024 D ký hợp đồng mua 399 con bò giống có giá 7.336.000.000 đồng với H2. Sau khi ký hợp đồng mua bán được hoàn thành, D cùng H2 thống nhất không kê khai hoạt động thu mua, không xuất hoá đơn bán hàng, không kê khai doanh thu với số tiền là 7.336.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của Trần Thanh H2, Nguyễn Chí D đã làm giảm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân phải nộp cho ngân sách Nhà nước là 110.040.000 đồng.

Do đó hành vi của các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 đã phạm vào tội “Trốn thuế” theo điểm a, c, khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Cáo trạng số 55/CT-VKSCB-P1 ngày 06/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định của Nhà nước về thuế, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước từ đó gây thất thoát nguồn thu của Nhà nước. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Vai trò, tính chất, mức độ trong hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo D thừa nhận Hợp tác xã N đặt hàng mua giống bò cái sinh sản với Trần Thanh H2 thì D đưa các tờ Bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn chưa ghi nội dung cho Trần Thanh H2 và nói với H2 là mua giống bò cái sinh

sản với ai thì kê khai vào bảng kê rồi chụp lại căn cước công dân chuyển cho D. H2 giao giống bò cái sinh sản cho Hợp tác xã N thì đưa cho D 04 bảng kê đã ghi nội dung kê khai đầu vào cho Hợp tác xã N. Nguyễn Chí D thừa nhận việc sử dụng bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn khi mua giống bò cái sinh sản với Trần Thanh H2 là để cho Trần Thanh H2 không phải xuất hoá đơn, không phải kê khai về thuế. Ngoài ra D cũng thừa nhận việc ký hợp đồng cộng tác viên giữa Hợp tác xã N với Trần Thanh H2 thu mua giống bò cái sinh sản là để hợp thức cho việc Trần Thanh H2 bán giống bò cái sinh sản cho Hợp tác xã N mà không phải xuất hoá đơn, không kê khai thuế. D không được hưởng lợi gì đối với việc trốn thuế trên. Đối với Trần Thanh H2 đã thừa nhận mua giống bò cái sinh sản với nhiều cá nhân tại các tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Tuyên Quang để bán lại cho Hợp tác xã N. Khi thu mua và khi bán cho Hợp tác xã N, Trần Thanh H2 không lập hoá đơn, chứng từ và không kê khai thuế theo quy định. Trần Thanh H2 đã lập 04 bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ giống bò cái sinh sản với tổng số lượng 399 con, tổng số tiền là 7.336.000.000 đồng, gây thiệt hại về thuế là 110.040.000 đồng.

Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Trần Thanh H2, ngày 09 tháng 5 năm 2011 bị Phòng cảnh sát tội phạm về môi trường Công an tỉnh C xử phạt 1.000.000 đồng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y (đã thi hành ngày 09/5/2011).

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo xác nhận số tiền 110.040.000 đồng mà bị cáo Trần Thanh H2 đã nộp lại số tiền khắc phục hậu quả có của hai bị cáo H2 và D mỗi người đóng một nửa nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo phạm tội cố ý trực tiếp, nhận thức rõ được việc trốn thuế là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, để các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có lý lịch rõ ràng; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng trong lĩnh vực thuế, nộp lại số tiền khắc phục hậu quả. Để thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc các bị

cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp và để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đã được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên căn cứ vào Điều 32 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và không cấm đảm nhiệm chức vụ và hành nghề theo khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng các điều luật đối với bị cáo và xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền trốn thuế 110.040.000 đồng buộc các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận các bị cáo Trần Thanh H2 và Nguyễn Chí D đã tự nguyện nộp đủ số tiền 110.040.000 đồng, số tiền trên đã được chuyển đến tài khoản tạm gửi của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng nên cần chấp nhận để chuyển nộp ngân sách Nhà nước qua tài khoản thu ngân sách của Thuế cơ sở 1, tỉnh Cao Bằng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C có thu giữ các hồ sơ, tài liệu, mua, cấp phát giống bò cái sinh sản (bản phô tô) và tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi trốn thuế của Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2. Các tài liệu này xét thấy cần tịch thu lưu tại hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Chí D, Trần Thanh H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a, c, khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D số tiền **130.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thanh H2 số tiền **150.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí D và Trần Thanh H2 có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 110.040.000 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Chí D và Trần

Thanh H2 đã tự nguyện nộp số tiền 110.040.000 đồng, số tiền trên đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII – Phòng nghiệp vụ 2 theo giấy ủy nhiệm chi ngày 22/8/2025. Giao số tiền 110.040.000 đồng cho T3 cơ sở 1 tỉnh Cao Bằng để chuyển nộp vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản thu ngân sách của Thuế cơ sở 1 tỉnh Cao Bằng.

(Xác nhận số tiền trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII – Phòng nghiệp vụ 2 theo giấy ủy nhiệm chi ngày 22/8/2025 và tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 10 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 9 năm 2025).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21, Điều 23 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Chí D, Trần Thanh H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VPCQCSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1 – Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Quốc Khánh